

Số: 33/QĐ-THCSCT

Cần Giờ, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác nhận học sinh thuộc đối tượng hưởng chế độ
cấp bù miễn học phí theo Nghị Quyết số 36/2023/HĐND
Học kỳ 2 năm học 2023 - 2024

Căn cứ Quyết định số 542/2001/QĐ-UB, ngày 15 tháng 08 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Cần Thạnh;

Căn cứ Nghị Quyết 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-GDDT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc giao bổ sung dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay xác nhận các em thuộc đối tượng hưởng chế độ cấp bù miễn học phí học kỳ 2 năm học 2023-2024 là **364.400.000đ** (Ba trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng.)

1 học sinh x 1 tháng x 100.000 = 100.000 đồng.

3 học sinh x 2 tháng x 100.000 = 600.000 đồng.

1 học sinh x 3 tháng x 100.000 = 300.000 đồng.

1 học sinh x 4 tháng x 100.000 = 400.000 đồng.

726 học sinh x 5 tháng x 100.000 = 363.000.000 đồng

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi NSNN năm 2024 được giao. Kế toán tham mưu Hiệu trưởng tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các thành viên trong Hội đồng sư phạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- KB Nhà nước Cần Giờ;
- Hiệu trưởng;
- Kế toán;
- Lưu: VT.



Thủ trưởng đơn vị

Trương Văn Hùng

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CẦN THẠNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcDANH SÁCH HỌC SINH HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024 THEO NGHỊ QUYẾT 36/2023/NQ-HĐND
NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023

Đvt: Nghìn đồng

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
1	TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH				364.400	
1	HUỖNH HOÀI AN	6.1	100	5	500	
2	ĐÀO HUỖNH ANH	6.1	100	5	500	
3	NGUYỄN NGỌC ÁNH	6.1	100	5	500	
4	HUỖNH KHẢ DOANH	6.1	100	5	500	
5	LÊ THÀNH ĐẠT	6.1	100	5	500	
6	LÊ THỊ NGỌC HÂN	6.1	100	5	500	
7	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	6.1	100	5	500	
8	ĐẶNG XUÂN HIẾU	6.1	100	5	500	
9	TRẦN TRUNG HIẾU	6.1	100	5	500	
10	LƯƠNG MẠNH HÙNG	6.1	100	5	500	
11	LÂM GIA HUY	6.1	100	5	500	
12	CHÂU CHÍ KHANG	6.1	100	5	500	
13	TRẦN NHỰT KHANG	6.1	100	5	500	
14	PHẠM MINH KHÔI	6.1	100	5	500	
15	NGUYỄN LÊ BẢO LÂM	6.1	100	5	500	
16	NGUYỄN QUANG LONG	6.1	100	5	500	
17	TRƯƠNG TẤN LỘC	6.1	100	5	500	
18	DƯƠNG HIẾU MINH	6.1	100	5	500	
19	TRẦN LÊ KIỀU MY	6.1	100	5	500	
20	HUỖNH THANH NGÂN	6.1	100	5	500	
21	LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC	6.1	100	5	500	
22	TRÌNH ĐOÀN BẢO NGỌC	6.1	100	5	500	
23	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	6.1	100	5	500	
24	LÊ THỊ THẢO NHI	6.1	100	2	200	Giảm từ tháng 3/2024
25	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	6.1	100	5	500	
26	TRẦN THANH PHÚ	6.1	100	5	500	
27	HUỖNH THIÊN PHÚC	6.1	100	5	500	
28	NGUYỄN NGỌC PHỤNG	6.1	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
29	ĐẶNG HOÀNG QUÂN	6.1	100	5	500	
30	PHAN THÀNH TÀI	6.1	100	5	500	
31	ĐẶNG THANH THÁI	6.1	100	5	500	
32	VÕ THỊ KIM THOA	6.1	100	5	500	
33	LÊ ĐOÀN ANH THƯ	6.1	100	5	500	
34	LÊ KHÁNH THƯƠNG	6.1	100	5	500	
35	TRẦN THANH TIẾN	6.1	100	5	500	
36	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	6.1	100	5	500	
37	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VI	6.1	100	5	500	
38	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	6.1	100	5	500	
39	NGUYỄN NHƯ Ý	6.1	100	5	500	
40	LÊ NGỌC YẾN	6.1	100	5	500	
41	QUÁCH HOÀNG THÁI AN	6.2	100	5	500	
42	DƯƠNG ĐẶNG QUỐC ANH	6.2	100	5	500	
43	TRƯƠNG LONG BẢO	6.2	100	5	500	
44	TRƯƠNG AN BÌNH	6.2	100	5	500	
45	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	6.2	100	5	500	
46	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	6.2	100	5	500	
47	TRẦN NGUYỄN THẢO ĐIỀN	6.2	100	4	400	Tăng từ tháng 02/2024
48	HUỲNH NGỌC MỸ HẠNH	6.2	100	5	500	
49	NHAN NGỌC HÂN	6.2	100	5	500	
50	NGÔ TRẦN KIM HOA	6.2	100	5	500	
51	LÊ KHẮC HUY	6.2	100	5	500	
52	PHẠM CHẤN HÙNG	6.2	100	5	500	
53	LÊ BẢO KHANG	6.2	100	5	500	
54	NGÔ VĂN KHANG	6.2	100	5	500	
55	LÊ KIỀU NGÂN KHÁNH	6.2	100	5	500	
56	NGUYỄN HẢI LÂM	6.2	100	5	500	
57	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	6.2	100	5	500	
58	PHẠM HOÀNG LONG	6.2	100	5	500	
59	PHẠM NGUYỄN NHẬT MINH	6.2	100	5	500	
60	LÊ HUỲNH KIM NGÂN	6.2	100	5	500	
61	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	6.2	100	5	500	
62	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	6.2	100	5	500	
63	NGUYỄN NGỌC DIỆU NGUYỄN	6.2	100	5	500	
64	ĐINH HOÀNG NHUNG	6.2	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
65	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	6.2	100	5	500	
66	VÕ THUY HOÀNG OANH	6.2	100	5	500	
67	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	6.2	100	5	500	
68	LÊ NGUYỄN HỒNG PHÚC	6.2	100	5	500	
69	LÊ QUANG MINH PHƯỚC	6.2	100	5	500	
70	VÕ MINH QUÂN	6.2	100	5	500	
71	NGUYỄN HUỆ TÂM	6.2	100	5	500	
72	DƯƠNG HOÀNG HIỆU THẢO	6.2	100	5	500	
73	VÕ GIA QUỐC THÔNG	6.2	100	5	500	
74	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	6.2	100	5	500	
75	PHẠM LÊ HOÀI THƯƠNG	6.2	100	5	500	
76	LÊ THỊ MỘNG QUỲNH TRÂM	6.2	100	5	500	
77	NGUYỄN HOÀNG THIÊN TRÚC	6.2	100	5	500	
78	NGUYỄN TƯỜNG VY	6.2	100	5	500	
79	PHAN THỊ NHƯ Ý	6.2	100	1	100	Giảm từ tháng 2/2024
80	TRƯƠNG THỊ NGỌC AN	6.3	100	5	500	
81	NGUYỄN HOÀNG ANH	6.3	100	5	500	
82	TRẦN PHẠM QUỲNH ANH	6.3	100	5	500	
83	HUỲNH NGỌC LAN CHI	6.3	100	5	500	
84	PHAN THÀNH DANH	6.3	100	5	500	
85	VÕ HOÀNG QUỐC DUY	6.3	100	5	500	
86	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG GIANG	6.3	100	5	500	
87	NGUYỄN TRÂM GIA HÂN	6.3	100	5	500	
88	TRẦN THỊ NGỌC HẬU	6.3	100	5	500	
89	LƯU TIỀN YẾN HOA	6.3	100	5	500	
90	LÊ THANH HUY	6.3	100	5	500	
91	KIM THÁI HÙNG	6.3	100	5	500	
92	NGUYỄN DUY KHANG	6.3	100	5	500	
93	NGUYỄN DUY KHÁNH	6.3	100	5	500	
94	NGUYỄN VIỆT KHUÊ	6.3	100	5	500	
95	CAO NGỌC LINH	6.3	100	5	500	
96	VŨ NGUYỄN HOÀNG MINH	6.3	100	5	500	
97	NGUYỄN DƯƠNG THẢO NGÂN	6.3	100	5	500	
98	TRƯƠNG HOÀI HẬU NGHĨA	6.3	100	5	500	
99	CHU HUỲNH LÂM NGỌC	6.3	100	5	500	
100	PHAN ĐOÀN THANH NGỌC	6.3	100	5	500	



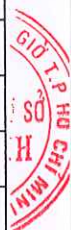
STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
101	NGUYỄN NGỌC THẢO NHI	6.3	100	5	500	
102	NGUYỄN THANH PHONG	6.3	100	5	500	
103	NGUYỄN MINH PHÚC	6.3	100	5	500	
104	ĐOÀN NGUYỄN ANH PHƯƠNG	6.3	100	5	500	
105	TRẦN NGUYỄN DUY PHƯƠNG	6.3	100	5	500	
106	ĐỖ PHAN XUÂN QUỲNH	6.3	100	5	500	
107	TRẦN NGỌC NHƯ QUỲNH	6.3	100	5	500	
108	PHAN MINH TÂN	6.3	100	5	500	
109	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	6.3	100	5	500	
110	MAI CHIẾN THẮNG	6.3	100	5	500	
111	NGUYỄN CHÍ THIỆN	6.3	100	5	500	
112	PHẠM MINH THUẬN	6.3	100	5	500	
113	NGUYỄN HẠNH THUÝ	6.3	100	5	500	
114	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	6.3	100	5	500	
115	VÕ THỊ MINH THƯ	6.3	100	5	500	
116	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN	6.3	100	5	500	
117	NGUYỄN NGỌC KHÁNH TRẦN	6.3	100	5	500	
118	NGUYỄN VIỆT TRUNG	6.3	100	5	500	
119	PHẠM NGUYỄN YÊN VY	6.3	100	5	500	
120	LÂM HOÀI AN	6.4	100	5	500	
121	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	6.4	100	5	500	
122	NGUYỄN HỒNG LINH CHI	6.4	100	5	500	
123	PHAN ĐỨC DUY	6.4	100	5	500	
124	LÊ TẤN BẢO ĐẠI	6.4	100	5	500	
125	BÙI HOÀNG THIÊN KIM	6.4	100	5	500	
126	TRẦN VÕ HOÀNG ĐẠI	6.4	100	5	500	
127	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	6.4	100	5	500	
128	CHUNG MINH HÀ	6.4	100	5	500	
129	HỒ NGỌC HÂN	6.4	100	5	500	
130	VÕ KHẮC HOÀNG	6.4	100	5	500	
131	LƯƠNG TRƯỞNG THANH HUY	6.4	100	5	500	
132	HUỲNH THỊ KIM HƯƠNG	6.4	100	5	500	
133	NGUYỄN TRẦN HOÀNG KHANG	6.4	100	5	500	
134	TRẦN MINH KHÔI	6.4	100	5	500	
135	LÊ ÁNH LINH	6.4	100	5	500	
136	PHẠM ĐOÀN QUỐC NAM	6.4	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
137	LÊ THỊ KIM NGÂN	6.4	100	5	500	
138	TRẦN GIA NGHI	6.4	100	5	500	
139	PHAN TRƯỜNG BẢO NGỌC	6.4	100	5	500	
140	NGUYỄN KIỀU KHÁNH NGUYỄN	6.4	100	5	500	
141	ĐOÀN YẾN NHI	6.4	100	5	500	
142	TRẦN THỂ PHONG	6.4	100	5	500	
143	HUỲNH HỒ NGỌC PHỤNG	6.4	100	5	500	
144	HỒ HOÀI TRÚC PHƯƠNG	6.4	100	5	500	
145	PHẠM HỒNG PHƯỢNG	6.4	100	5	500	
146	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	6.4	100	5	500	
147	NGUYỄN HUỲNH MINH TẤN	6.4	100	5	500	
148	TRẦN THANH PHƯỚC THIÊN	6.4	100	5	500	
149	HUỲNH TẤN THỊNH	6.4	100	5	500	
150	NGUYỄN MINH THUẬN	6.4	100	5	500	
151	ĐỖ VŨ ANH THƯ	6.4	100	5	500	
152	NGUYỄN MINH TIẾN	6.4	100	5	500	
153	HỒ NGUYỄN TRUNG TÍN	6.4	100	5	500	
154	LƯU ĐỨC TÍN	6.4	100	5	500	
155	NGUYỄN NGỌC THIÊN TRANG	6.4	100	5	500	
156	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN	6.4	100	5	500	
157	CHÂU NGỌC TƯỜNG VI	6.4	100	5	500	
158	NGUYỄN PHÁT VINH	6.4	100	5	500	
159	TRẦN NGỌC KHÁNH VY	6.4	100	5	500	
160	PHẠM NGUYỄN NAM AN	6.5	100	5	500	
161	ĐOÀN QUỐC ANH	6.5	100	5	500	
162	NGÔ TUẤN ANH	6.5	100	5	500	
163	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG ANH	6.5	100	5	500	
164	ĐOÀN NGUYỄN CHI	6.5	100	5	500	
165	PHẠM CÔNG QUỐC DŨNG	6.5	100	5	500	
166	DƯƠNG QUỐC DUY	6.5	100	5	500	
167	NGUYỄN MINH ĐỨC	6.5	100	5	500	
168	NGUYỄN NGỌC HẢI HÀ	6.5	100	5	500	
169	NGUYỄN VIỆT VŨ HẢI	6.5	100	5	500	
170	HỒ NGUYỄN NGỌC HÂN	6.5	100	5	500	
171	ĐINH NHẬT HUY	6.5	100	5	500	
172	NGUYỄN THANH GIA HÙNG	6.5	100	5	500	

N CÁN
HƯỜNG
HỌC C
THẬN
★

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
173	TRẦN TRUNG KHIÊM	6.5	100	5	500	
174	LÊ HUỖNH HỒ ĐĂNG KHOA	6.5	100	5	500	
175	HỒ ANH KIẾT	6.5	100	5	500	
176	TRẦN NGUYỄN GIA LÂM	6.5	100	5	500	
177	NGUYỄN NGỌC YẾN LINH	6.5	100	5	500	
178	TRẦN THIÊN LONG	6.5	100	5	500	
179	HUỖNH KIM NGÂN	6.5	100	5	500	
180	PHẠM BẢO KIM NGÂN	6.5	100	5	500	
181	TRẦN BẢO NGỌC	6.5	100	5	500	
182	NGUYỄN TƯỜNG PHÁT	6.5	100	5	500	
183	DANH ĐÌNH PHONG	6.5	100	5	500	
184	NGUYỄN QUANG PHÚC	6.5	100	5	500	
185	NGÔ QUANG PHƯƠNG	6.5	100	5	500	
186	TRẦN TÂM PHƯƠNG	6.5	100	5	500	
187	ĐOÀN LÊ HOÀNG QUÂN	6.5	100	5	500	
188	PHẠM HẢI SƠN	6.5	100	5	500	
189	HỒ LÊ XUÂN THANH	6.5	100	5	500	
190	ĐỖ HOÀNG THIÊN	6.5	100	5	500	
191	NGUYỄN NGỌC THÁI THIÊN	6.5	100	5	500	
192	HUỖNH THÁI THỊNH	6.5	100	5	500	
193	ĐOÀN PHÚ THUẬN	6.5	100	5	500	
194	NGUYỄN NGỌC NHÃ THƯ	6.5	100	5	500	
195	HỒ LƯU THANH TÍNH	6.5	100	5	500	
196	PHẠM THUYẾT VÂN	6.5	100	5	500	
197	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG VY	6.5	100	5	500	
198	LÊ THẢO VY	6.5	100	5	500	
199	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	6.5	100	5	500	
200	NGUYỄN VÂN ANH	6.6	100	5	500	
201	TRƯỜNG NGỌC THUÝ ANH	6.6	100	5	500	
202	NGUYỄN VŨ TUYẾT BĂNG	6.6	100	5	500	
203	LÊ NGUYỄN THÁI BÌNH	6.6	100	5	500	
204	NGUYỄN LÝ THANH BÌNH	6.6	100	5	500	
205	NGUYỄN HỒNG CHUYỀN	6.6	100	5	500	
206	NGUYỄN LÊ NGỌC DIỆP	6.6	100	5	500	
207	ĐÌNH ĐAN DƯƠNG	6.6	100	5	500	
208	MAI ANH ĐÀO	6.6	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
209	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	6.6	100	5	500	
210	LÊ HOÀNG PHƯƠNG HI	6.6	100	5	500	
211	DƯƠNG THANH HIỀN	6.6	100	5	500	
212	VÕ THANH HUY	6.6	100	5	500	
213	NGUYỄN DUY GIA HƯNG	6.6	100	5	500	
214	PHẠM LÊ TUẤN KHANG	6.6	100	5	500	
215	NGÔ NGUYỄN ĐĂNG KHOA	6.6	100	5	500	
216	PHẠM HUỲNH ĐÌNH KHÔI	6.6	100	5	500	
217	NGUYỄN BẢO LONG	6.6	100	5	500	
218	PHẠM NHẬT NAM	6.6	100	5	500	
219	NGUYỄN ĐỖ NGỌC BẢO NGÂN	6.6	100	5	500	
220	PHAN NGỌC KIM NGÂN	6.6	100	5	500	
221	ĐOÀN NGUYỄN MINH NGỌC	6.6	100	5	500	
222	LÊ HUỲNH BẢO NGỌC	6.6	100	5	500	
223	NGUYỄN ĐOÀN VÂN NGUYÊN	6.6	100	5	500	
224	NGUYỄN NGỌC THANH NGUYÊN	6.6	100	5	500	
225	HUỲNH HIẾU NHÂN	6.6	100	5	500	
226	VÕ ĐỨC NHÂN	6.6	100	5	500	
227	NGUYỄN TẤN PHÁT	6.6	100	5	500	
228	HUỲNH HOÀNG PHÚC	6.6	100	5	500	
229	NGUYỄN ANH QUÂN	6.6	100	5	500	
230	ĐOÀN NGỌC LAM THANH	6.6	100	5	500	
231	LƯƠNG THỊ MINH THI	6.6	100	5	500	
232	HUỲNH THÁI THIÊN	6.6	100	5	500	
233	PHAN ĐOÀN HOÀN THỊNH	6.6	100	5	500	
234	HUỲNH THỊ HOÀI THƯƠNG	6.6	100	5	500	
235	DƯƠNG GIA TRANG	6.6	100	5	500	
236	VŨ NGUYỄN GIA UYÊN	6.6	100	5	500	
237	NGUYỄN VŨ TƯỜNG VY	6.6	100	5	500	
238	PHAN LÊ KHÁNH VY	6.6	100	5	500	
239	LÊ NGUYỄN PHI YẾN	6.6	100	5	500	
240	TRẦN DUY ANH	7.1	100	5	500	
241	TRƯƠNG TUẤN ANH	7.1	100	5	500	
242	VÕ NGUYÊN GIA BẢO	7.1	100	5	500	
243	NGUYỄN QUANG DANH	7.1	100	5	500	
244	VÕ ANH ĐẠT	7.1	100	5	500	



STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
245	PHAN HỒ MINH ĐĂNG	7.1	100	5	500	
246	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	7.1	100	5	500	
247	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	7.1	100	5	500	
248	HUỲNH GIA HÙNG	7.1	100	5	500	
249	HỒ THỊ DIỄM KIỀU	7.1	100	5	500	
250	HỒ NGỌC TƯỜNG LAM	7.1	100	5	500	
251	NGUYỄN THANH HẢI LONG	7.1	100	5	500	
252	BÙI BẢO MINH	7.1	100	5	500	
253	NGUYỄN THANH NGÂN	7.1	100	5	500	
254	TRẦN NGUYỄN XUÂN NGHI	7.1	100	5	500	
255	ĐẶNG HOÀNG BẢO NGỌC	7.1	100	5	500	
256	LÊ THIÊN NHÂN	7.1	100	5	500	
257	NGUYỄN HỮU NHẬT	7.1	100	5	500	
258	CAO LƯU TUYẾT NHI	7.1	100	5	500	
259	NGUYỄN NGỌC NHƯ'	7.1	100	5	500	
260	NGUYỄN MINH NHỰT	7.1	100	5	500	
261	TRẦN DIỄM PHƯƠNG	7.1	100	5	500	
262	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG QUỲNH	7.1	100	5	500	
263	NGUYỄN THÀNH TÀI	7.1	100	5	500	
264	LÊ PHƯỚC THIÊN	7.1	100	5	500	
265	LÊ THỊ ANH THU'	7.1	100	5	500	
266	LÊ NGUYỄN NGỌC TIÊN	7.1	100	5	500	
267	NGUYỄN THÀNH TRÍ	7.1	100	5	500	
268	NGUYỄN MINH HIẾU TRỌNG	7.1	100	5	500	
269	ĐOÀN THỊ THANH TUYỀN	7.1	100	5	500	
270	TRẦN KIM TUYẾN	7.1	100	5	500	
271	TRƯƠNG THIÊN VŨ	7.1	100	5	500	
272	NGUYỄN NGỌC BẢO VY	7.1	100	5	500	
273	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	7.1	100	5	500	
274	NGUYỄN HUỲNH TÚ ANH	7.2	100	5	500	
275	VÕ AN BI	7.2	100	5	500	
276	PHẠM NGUYỄN CÔNG DANH	7.2	100	5	500	
277	NGUYỄN HỮU DUY	7.2	100	5	500	
278	TRẦN TRÍ ĐẠT	7.2	100	5	500	
279	BÙI HIẾU HÒA	7.2	100	5	500	
280	HOÀNG VĨNH HÙNG	7.2	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
281	HOÀNG HỮU GIA LONG	7.2	100	5	500	
282	PHẠM THỊ DIỆU MAI	7.2	100	5	500	
283	LÂM THỊ NGỌC NGÀ	7.2	100	5	500	
284	NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN	7.2	100	5	500	
285	NGUYỄN XUÂN NGHI	7.2	100	5	500	
286	LÊ MINH NGỌC	7.2	100	5	500	
287	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYÊN	7.2	100	5	500	
288	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC NHI	7.2	100	5	500	Tăng từ tháng 01/2024
289	KIỀU THANH PHÁT	7.2	100	5	500	
290	PHAN HỒNG PHI	7.2	100	5	500	
291	ÂU ĐOÀN HỒNG PHÚC	7.2	100	5	500	
292	PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG	7.2	100	5	500	
293	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	7.2	100	5	500	
294	VÕ THANH THIỆN	7.2	100	5	500	
295	ĐOÀN THỊ HOÀI THU	7.2	100	5	500	
296	NGUYỄN HỒ MINH THUẬN	7.2	100	5	500	
297	NGUYỄN TRẦN MINH THƯ	7.2	100	5	500	
298	NGÔ MINH TIỀN	7.2	100	5	500	
299	NGUYỄN MINH TIẾN	7.2	100	5	500	
300	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	7.2	100	5	500	
301	LÊ MINH VI	7.2	100	5	500	
302	TRƯƠNG THẾ VINH	7.2	100	5	500	
303	DƯƠNG THANH VŨ	7.2	100	5	500	
304	NGUYỄN NGỌC VY	7.2	100	5	500	
305	TRẦN HOÀNG KIM YẾN	7.2	100	2	200	Giảm từ tháng 3/2024
306	Lê Hoàng Trọng	7.2	100	5	500	
307	Trần Nam Thông	7.2	100	5	500	
308	HỒ QUỲNH ANH	7.3	100	5	500	
309	NGUYỄN THÀNH DUY	7.3	100	5	500	
310	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	7.3	100	5	500	
311	TRẦN NGUYỄN THIÊN HẢO	7.3	100	5	500	
312	TRẦN TIẾN HẠO	7.3	100	5	500	
313	NGUYỄN MINH KHANG	7.3	100	5	500	
314	NGUYỄN TRẦN MINH KHÔI	7.3	100	5	500	
315	BÙI ANH KIẾT	7.3	100	5	500	
316	NGUYỄN TRIỆU MÃN	7.3	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
317	BÙI BẢO NGÂN	7.3	100	5	500	
318	PHẠM THỊ KIM NGÂN	7.3	100	5	500	
319	MAI NGUYỄN ÁI NGHI	7.3	100	5	500	
320	VÕ NGỌC THANH NGUYỄN	7.3	100	5	500	
321	VÕ PHẠM KIM NHÂN	7.3	100	5	500	
322	PHAN NGUYỄN MINH NHẬT	7.3	100	5	500	
323	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	7.3	100	5	500	
324	HỒ MINH TẤN PHÁT	7.3	100	5	500	
325	NGUYỄN THANH PHONG	7.3	100	5	500	
326	HUỲNH CHÂU THIÊN PHÚC	7.3	100	5	500	
327	TRẦN TRỌNG PHÚC	7.3	100	5	500	
328	PHẠM THỊ NHẢ PHƯƠNG	7.3	100	5	500	
329	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	7.3	100	5	500	
330	TRẦN MINH SANG	7.3	100	5	500	
331	NGUYỄN PHẠM THANH THẢO	7.3	100	5	500	
332	TRẦN QUỐC THIỆN	7.3	100	5	500	
333	HUỲNH THANH THÙY	7.3	100	5	500	
334	HUỲNH NGỌC MINH THƯ	7.3	100	5	500	
335	LÂM ĐẶNG THÙY TRANG	7.3	100	5	500	
336	ĐOÀN HUỲNH TRÂM	7.3	100	5	500	
337	ĐOÀN NGỌC TRỌNG	7.3	100	5	500	
338	PHẠM THANH TÙNG	7.3	100	5	500	
339	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	7.3	100	5	500	
340	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	7.3	100	5	500	
341	CHẾ NGUYỄN NHƯ Ý	7.3	100	5	500	
342	LÊ NGUYỄN NHƯ Ý	7.3	100	5	500	
343	PHẠM DIỄM MY	7.3	100	5	500	
344	TRIỆU HỒNG BẢO AN	7.4	100	5	500	
345	ĐOÀN PHẠM VÂN ANH	7.4	100	5	500	
346	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG ANH	7.4	100	5	500	
347	NGUYỄN HOÀNG THIÊN BẢO	7.4	100	5	500	
348	NGUYỄN TRỌNG DOANH	7.4	100	5	500	
349	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	7.4	100	5	500	
350	VÕ THÁI DƯƠNG	7.4	100	5	500	
351	PHẠM KHẢ DY	7.4	100	5	500	
352	NGUYỄN NGỌC TRÀ GIANG	7.4	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
353	ĐOÀN ANH HÀO	7.4	100	5	500	
354	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	7.4	100	5	500	
355	TRẦN HIẾU HÂN	7.4	100	5	500	
356	NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG	7.4	100	5	500	
357	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	7.4	100	5	500	
358	PHẠM DUY TÙNG KHA	7.4	100	5	500	
359	PHAN VÕ GIA KHANG	7.4	100	5	500	
360	TRIỆU HỒNG BẢO KHANG	7.4	100	5	500	
361	NGUYỄN XUÂN KHOA	7.4	100	5	500	
362	TRẦN ĐĂNG KHOA	7.4	100	5	500	
363	HUỲNH NGUYỄN MINH KHÔI	7.4	100	5	500	
364	LÊ ĐĂNG KHÔI	7.4	100	5	500	
365	NGUYỄN HOÀNG MỘC LAM	7.4	100	5	500	
366	DƯƠNG KIM NGÂN	7.4	100	5	500	
367	HÀ KIM NGÂN	7.4	100	5	500	
368	TRẦN KHÁNH NGỌC	7.4	100	5	500	
369	TRẦN PHẠM YẾN NHI	7.4	100	5	500	
370	NGUYỄN LÊ NHƯ	7.4	100	5	500	
371	TRẦN ĐẠI PHÚ	7.4	100	5	500	
372	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	7.4	100	5	500	
373	BÙI TRẦN MAI THẢO	7.4	100	5	500	
374	TRANG THẾ THỊNH	7.4	100	5	500	
375	THÁI HIỆP THUẬN	7.4	100	5	500	
376	PHẠM LÊ MINH THƯ	7.4	100	5	500	
377	HỒ NGỌC THỦY TIÊN	7.4	100	5	500	
378	LÊ HUYỀN PHƯƠNG TRANG	7.4	100	5	500	
379	VÕ HUỲNH THANH TRÚC	7.4	100	5	500	
380	NGUYỄN KIẾN TƯỜNG	7.4	100	5	500	
381	NGUYỄN PHÚC AN TƯỜNG	7.4	100	5	500	
382	LÊ TRẦN NHƯ Ý	7.4	100	5	500	
383	NGUYỄN LAM AN	7.5	100	5	500	
384	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	7.5	100	5	500	
385	PHẠM PHƯƠNG ANH	7.5	100	5	500	
386	LÊ ĐỨC BÌNH	7.5	100	5	500	
387	BÙI NGỌC LINH CHIÊU	7.5	100	5	500	
388	TRẦN NGUYỄN MINH GIANG	7.5	100	5	500	



STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
389	HUỖNH GIA HẢI	7.5	100	5	500	
390	LƯƠNG THẾ Hào	7.5	100	5	500	
391	LÊ GIA MINH HẰNG	7.5	100	5	500	
392	VÕ LÊ NGỌC HÂN	7.5	100	5	500	
393	VŨ THIÊN GIA HUY	7.5	100	5	500	
394	HỒ PHAN THANH HƯNG	7.5	100	5	500	
395	NGUYỄN VŨ GIA KHANG	7.5	100	5	500	
396	NGUYỄN XUÂN KHANH	7.5	100	5	500	
397	LÊ HUỖNH ĐĂNG KHOA	7.5	100	5	500	
398	PHẠM HOÀNG DUY KHOA	7.5	100	5	500	
399	LƯƠNG THẾ KIẾT	7.5	100	5	500	
400	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LAM	7.5	100	5	500	
401	ĐOÀN NGỌC KHÁNH NGÂN	7.5	100	5	500	
402	BÙI NGUYỄN XUÂN NGHI	7.5	100	5	500	
403	LÂM HỒ BẢO NGỌC	7.5	100	5	500	
404	NGUYỄN LÊ THÀNH NHÂN	7.5	100	5	500	
405	NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG NHI	7.5	100	5	500	
406	LÊ HỮU PHƯỚC	7.5	100	5	500	
407	NGUYỄN THỤY NAM PHƯƠNG	7.5	100	5	500	
408	TRẦN ĐẶNG MAI SƯƠNG	7.5	100	5	500	
409	LÊ HUỖNH ANH THÁI	7.5	100	5	500	
410	TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO	7.5	100	5	500	
411	NGUYỄN VÕ ANH THI	7.5	100	5	500	
412	LÊ GIA THỊNH	7.5	100	5	500	
413	VÕ NGỌC THẢO TRANG	7.5	100	5	500	
414	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	7.5	100	5	500	
415	NGUYỄN THÀNH TRUNG	7.5	100	5	500	
416	PHẠM XUÂN TÙNG	7.5	100	5	500	
417	NGUYỄN HUY TƯỜNG	7.5	100	5	500	
418	NGUYỄN TRẦN MINH UYÊN	7.5	100	5	500	
419	LÊ HẠ VY	7.5	100	5	500	
420	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	7.5	100	5	500	
421	NGUYỄN HOÀNG YẾN	7.5	100	5	500	
422	ĐINH TRẦN KHẢ ÁI	8.1	100	5	500	
423	LÊ TRƯỜNG AN	8.1	100	5	500	
424	MAI NHỰT Hào	8.1	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
425	TRẦN NGUYỄN MINH HẰNG	8.1	100	5	500	
426	HỒ HUỖNH TRỌNG HIẾU	8.1	100	5	500	
427	NGUYỄN VĂN HÙNG	8.1	100	5	500	
428	NGUYỄN LƯƠNG GIA HUY	8.1	100	5	500	
429	LÊ THÀNH HÙNG	8.1	100	5	500	
430	NGUYỄN TUẤN HÙNG	8.1	100	5	500	
431	NGUYỄN DUY KHANG	8.1	100	5	500	
432	NGUYỄN VÕ HOÀNG LAM	8.1	100	5	500	
433	LÊ PHI LONG	8.1	100	5	500	
434	CAO KIM ĐĂNG MINH	8.1	100	5	500	
435	NGUYỄN TRƯỜNG PHONG	8.1	100	5	500	
436	NGUYỄN MINH PHÚC	8.1	100	5	500	
437	CAO THỊ PHƯƠNG THẢO	8.1	100	5	500	
438	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC THẢO	8.1	100	5	500	
439	QUÁCH BẢO THI	8.1	100	5	500	
440	TRƯƠNG THỊ THANH THUÝ	8.1	100	5	500	
441	LÊ ANH TUẤN	8.1	100	5	500	
442	PHAN THANH TUYỀN	8.1	100	5	500	
443	NGUYỄN THÀNH TUYẾN	8.1	100	5	500	
444	CHÂU HOÀNG QUỐC VIỆT	8.1	100	5	500	
445	NGÔ NGUYỄN TƯỜNG VY	8.1	100	5	500	
446	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	8.1	100	5	500	
447	NGUYỄN TƯỜNG VY	8.1	100	5	500	
448	NGUYỄN THỊ Y HUỖNH	8.1	100	5	500	
449	LUÂN NHÃ THÙY	8.1	100	5	500	
450	LÊ THỊ TRÀ MY	8.1	100	5	500	
451	NGUYỄN HẰNG THÚY AN	8.2	100	5	500	
452	NGUYỄN HOÀNG ANH	8.2	100	5	500	
453	LÊ NGỌC THÙY DƯƠNG	8.2	100	5	500	
454	TRẦN TRỌNG ĐỨC	8.2	100	5	500	
455	TRƯƠNG NGỌC HÀ	8.2	100	5	500	
456	LÊ BẢO HÂN	8.2	100	5	500	
457	NHÂM GIA HUY	8.2	100	5	500	
458	PHẠM NGỌC NGÂN HUỖNH	8.2	100	5	500	
459	CHÂU NGUYỄN HUỖNH KHANG	8.2	100	5	500	
460	LÊ PHÚC KHANG	8.2	100	5	500	

TRƯỜNG
CẤP

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (≤ 5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
461	NGUYỄN TRẦN TUẤN KHANG	8.2	100	5	500	
462	TRẦN QUỐC KHANG	8.2	100	5	500	
463	PHAN GIA KIẾT	8.2	100	5	500	
464	NGUYỄN HUỲNH TẤN LỘC	8.2	100	5	500	
465	PHAN THỊ TUYẾT MINH	8.2	100	5	500	
466	LÊ NGỌC THẢO MY	8.2	100	5	500	
467	LƯƠNG HOÀNG NGHĨA	8.2	100	5	500	
468	NGUYỄN QUỲNH BẢO NGỌC	8.2	100	5	500	
469	PHẠM THANH NGUYỄN	8.2	100	5	500	
470	NGÔ MINH NHẬT	8.2	100	5	500	
471	TRẦN LÊ KIỀU NHƯ	8.2	100	5	500	
472	NGUYỄN THANH PHONG	8.2	100	5	500	
473	NGUYỄN NGỌC BẢO THY	8.2	100	5	500	
474	LÊ TRUNG TÍNH	8.2	100	5	500	
475	PHAN THỊ THANH TRANG	8.2	100	5	500	
476	CHUNG HIẾU TRỌNG	8.2	100	5	500	
477	UNG NGUYỄN THANH TRÚC	8.2	100	5	500	
478	PHẠM THỊ NGỌC TUYỀN	8.2	100	5	500	
479	BÙI NGUYỄN VY VÂN	8.2	100	5	500	
480	VÕ KHÁNH VY	8.2	100	5	500	
481	NGUYỄN HOÀNG THIÊN ÂN	8.3	100	5	500	
482	HUỲNH THỊ MỸ DUYÊN	8.3	100	5	500	
483	LƯU TRÍ ĐỨC	8.3	100	5	500	
484	TRẦN MINH HẰNG	8.3	100	5	500	
485	NGUYỄN NGỌC HÂN	8.3	100	5	500	
486	HỒ ĐOÀN PHÚ HÙNG	8.3	100	5	500	
487	LƯƠNG THỊ NGỌC HƯƠNG	8.3	100	5	500	
488	BÙI BẢO PHÚC KHÁNH	8.3	100	5	500	
489	HÀ THẢO MY	8.3	100	5	500	
490	SẦM HUỲNH THẢO MY	8.3	100	5	500	
491	ĐẶNG VÕ HOÀNG NAM	8.3	100	5	500	
492	KÁT NGUYỄN QUỲNH NHƯ	8.3	100	5	500	
493	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH NHƯ	8.3	100	5	500	
494	NGUYỄN THỊ KHÁNH NHƯ	8.3	100	5	500	
495	LÊ ĐỨC PHÁT	8.3	100	5	500	
496	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚ	8.3	100	5	500	

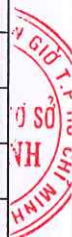
STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
497	NGUYỄN THANH SÁNG	8.3	100	5	500	
498	NGUYỄN PHÙNG MINH TÂM	8.3	100	5	500	
499	LÊ THỊ LAN THANH	8.3	100	3	300	Giảm từ tháng 4/2024
500	NGUYỄN TẤN NHỰT THANH	8.3	100	5	500	
501	LÊ HOÀN THIÊN	8.3	100	5	500	
502	NGUYỄN THỊ ANH THƠ	8.3	100	5	500	
503	VÕ THỊ THI THƠ	8.3	100	5	500	
504	HUỲNH THỦY TIÊN	8.3	100	5	500	
505	VƯƠNG NGỌC THU TIÊN	8.3	100	5	500	
506	CAO NGỌC TƯỜNG VI	8.3	100	5	500	
507	VÕ THANH VY	8.3	100	5	500	
508	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	8.3	100	5	500	
509	TRẦN PHƯƠNG ANH	8.4	100	5	500	
510	PHẠM NGỌC XUÂN BÁCH	8.4	100	5	500	
511	HỒ KHÁNH BĂNG	8.4	100	5	500	
512	PHẠM QUỐC CƯỜNG	8.4	100	5	500	
513	TRƯƠNG QUỐC ĐẠI	8.4	100	5	500	
514	NGÔ LÊ ANH ĐÀO	8.4	100	5	500	
515	DANH TRẦN MỸ ĐÌNH	8.4	100	5	500	
516	LÊ NGỌC KHÁNH ĐÔNG	8.4	100	5	500	
517	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH HÀ	8.4	100	5	500	
518	NGÔ GIA HÂN	8.4	100	5	500	
519	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	8.4	100	5	500	
520	PHẠM NGỌC HÂN	8.4	100	5	500	
521	NGUYỄN MINH HIẾU	8.4	100	5	500	
522	NGUYỄN ĐOÀN MỸ HOA	8.4	100	5	500	
523	NGUYỄN TUYẾT HƯƠNG	8.4	100	5	500	
524	LÊ MINH KHANG	8.4	100	5	500	
525	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	8.4	100	5	500	
526	LÊ QUỐC KIẾT	8.4	100	5	500	
527	VÕ TẤN KIẾT	8.4	100	5	500	
528	VƯƠNG NGỌC LAN	8.4	100	5	500	
529	NGUYỄN TẤT BẢO LÂM	8.4	100	5	500	
530	PHAN TÙNG LÂM	8.4	100	5	500	
531	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	8.4	100	5	500	
532	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	8.4	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
533	TRIỆU HỒNG NGUYÊN	8.4	100	5	500	
534	NGUYỄN MINH NHÂN	8.4	100	5	500	
535	ĐỖ MINH NHỰT	8.4	100	5	500	
536	TRẦN NGUYỄN TIẾN PHÚC	8.4	100	5	500	
537	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	8.4	100	5	500	
538	BÙI VIỆT THÀNH	8.4	100	5	500	
539	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	8.4	100	5	500	
540	DƯƠNG GIA THIÊN	8.4	100	5	500	
541	TRẦN NGỌC MINH THƠ	8.4	100	5	500	
542	LÊ NGUYỄN ANH THƯ	8.4	100	5	500	
543	VÕ NGUYỄN ANH THƯ	8.4	100	5	500	
544	HỒ THANH TRÚC	8.4	100	5	500	
545	ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC TRUNG	8.4	100	5	500	
546	VÕ LÝ TUỜNG VY	8.4	100	5	500	
547	NGUYỄN THỊ LAN ANH	9.1	100	5	500	
548	TRẦN LÊ QUỲNH ANH	9.1	100	5	500	
549	ĐẶNG KHÁNH BĂNG	9.1	100	5	500	
550	ĐẶNG NGỌC MINH CHÂU	9.1	100	5	500	
551	CỔ NGÔ THÀNH DANH	9.1	100	5	500	
552	LÊ THANH HIẾU	9.1	100	5	500	
553	NGUYỄN TRẦN KIM HUỆ	9.1	100	5	500	
554	NGUYỄN QUANG HUY	9.1	100	5	500	
555	TRỊNH HOÀNG KHANG	9.1	100	5	500	
556	NGUYỄN CÔNG KHANH	9.1	100	5	500	
557	TRẦN DƯƠNG GIA LẠC	9.1	100	5	500	
558	VÕ THANH LÂM	9.1	100	5	500	
559	NGÔ MINH LỄ	9.1	100	5	500	
560	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH LINH	9.1	100	5	500	
561	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	9.1	100	5	500	
562	CHUNG NGUYỄN NHẬT LONG	9.1	100	5	500	
563	HUỲNH HỒ QUANG LONG	9.1	100	5	500	
564	HUỲNH THỊ QUỲNH NGÀ	9.1	100	5	500	
565	NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC	9.1	100	5	500	
566	TRẦN BẢO NGỌC	9.1	100	5	500	
567	VÕ KIM NGUYỄN	9.1	100	5	500	
568	ĐOÀN HUỲNH THẢO NHI	9.1	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
569	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	9.1	100	5	500	
570	DƯƠNG THANH PHONG	9.1	100	5	500	
571	LƯƠNG TRUNG PHONG	9.1	100	5	500	
572	ĐOÀN PHƯƠNG QUÂN	9.1	100	5	500	
573	HUỶNH QUỐC THÁI	9.1	100	5	500	
574	NGUYỄN THÀNH THÁI	9.1	100	5	500	
575	PHAN VĂN THÀNH	9.1	100	5	500	
576	NGUYỄN BẢO THI	9.1	100	5	500	
577	LÊ THỊ BÍCH TIỀN	9.1	100	5	500	
578	TRẦN LÊ NGỌC TRÂN	9.1	100	5	500	
579	VÕ THANH TRUNG	9.1	100	5	500	
580	HỒ VŨ THANH TÙNG	9.1	100	5	500	
581	LÝ DIỆU VY	9.1	100	5	500	
582	NGUYỄN CHÂU TƯỜNG VY	9.1	100	5	500	
583	TRẦN THỊ NGỌC KIM Y	9.1	100	5	500	
584	TRƯƠNG PHÚC AN	9.2	100	5	500	
585	PHAN THỊ BẢO CHÂU	9.2	100	2	200	Tăng từ tháng 4/2024
586	NGUYỄN HỒNG DANH	9.2	100	5	500	
587	PHẠM VĂN HÙNG	9.2	100	5	500	
588	NGUYỄN ĐỨC HUY	9.2	100	5	500	
589	NGUYỄN HỒNG BẢO KHANG	9.2	100	5	500	
590	TẠ HUỶNH VĨNH KHOA	9.2	100	5	500	
591	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	9.2	100	5	500	
592	NGUYỄN KỶ MỸ LAN	9.2	100	5	500	
593	NGÔ MINH LỢI	9.2	100	5	500	
594	LÊ ĐỖ TÂM MAI	9.2	100	5	500	
595	NGUYỄN THỊ KIM NGÀ	9.2	100	5	500	
596	TRẦN KIM NGUYỄN	9.2	100	5	500	
597	ĐẶNG HOÀNG NGỌC NHƯ	9.2	100	5	500	
598	HUỶNH NGUYỄN MINH QUÂN	9.2	100	5	500	
599	LÊ HUỶNH HỒNG QUÂN	9.2	100	5	500	
600	NGUYỄN THANH SANG	9.2	100	5	500	
601	ĐINH TRƯỜNG SƠN	9.2	100	5	500	
602	NGUYỄN THANH TÂM	9.2	100	5	500	
603	PHẠM THỊ NGỌC THẢO	9.2	100	5	500	
604	CÙ THỊ HỒNG THI	9.2	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (≤ 5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
605	HỒ THỊ NGỌC THƠ	9.2	100	5	500	
606	NGUYỄN HOÀNG MINH THỨC	9.2	100	5	500	
607	HUỖNH MINH TIẾN	9.2	100	5	500	
608	NGUYỄN THANH TIẾN	9.2	100	5	500	
609	LÊ HOÀNG NGỌC TRANG	9.2	100	5	500	
610	NGUYỄN HỒNG TRANG	9.2	100	5	500	
611	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	9.2	100	5	500	
612	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	9.2	100	5	500	
613	HUỖNH HÀ TIÊN TRÚC	9.2	100	5	500	
614	TRẦN NGỌC TÚ	9.2	100	5	500	
615	VÕ ANH TUẤN	9.2	100	5	500	
616	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	9.2	100	5	500	
617	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	9.2	100	5	500	
618	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VY	9.2	100	5	500	
619	NGUYỄN HỒ NHƯ Ý	9.2	100	5	500	
620	HUỖNH LA KIM YẾN	9.2	100	5	500	
621	LÊ HUỖNH PHƯƠNG DUYÊN	9.2	100	5	500	
622	LÊ TUẤN ANH	9.3	100	5	500	
623	VÕ TRẦN KHÁNH ÂN	9.3	100	5	500	
624	NGUYỄN PHAN DUY BẢO	9.3	100	5	500	
625	HỒ KHÁNH BĂNG	9.3	100	5	500	
626	TRẦN NGỌC BẢO CHÂU	9.3	100	5	500	
627	CAO THỊ THÙY DƯƠNG	9.3	100	5	500	
628	VƯƠNG PHÁT ĐẠT	9.3	100	5	500	
629	LƯƠNG NHẬT HUY	9.3	100	5	500	
630	PHAN ĐẶNG ANH HUỖNH	9.3	100	5	500	
631	NGUYỄN BÙI ANH KHANG	9.3	100	5	500	
632	NGUYỄN TRẦN CHI LÂM	9.3	100	5	500	
633	HUỖNH KIM NGÂN	9.3	100	5	500	
634	ĐINH HỒ TRỌNG NHÂN	9.3	100	5	500	
635	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	9.3	100	5	500	
636	TRẦN NGUYỄN KIM NHƯ	9.3	100	5	500	
637	DƯƠNG VŨ DUY PHONG	9.3	100	5	500	
638	NGUYỄN KIM PHÚC	9.3	100	5	500	
639	NGUYỄN THỊ HUỆ PHƯỚC	9.3	100	5	500	
640	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	9.3	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
641	LÊ MINH QUÂN	9.3	100	5	500	
642	LỤC HẢI QUÝ	9.3	100	5	500	
643	NGUYỄN ĐỖ BẢO QUYÊN	9.3	100	5	500	
644	NGUYỄN BÙI THÚY QUỲNH	9.3	100	5	500	
645	VÕ MINH SƠN	9.3	100	5	500	
646	PHAN CHÍ TÀI	9.3	100	5	500	
647	HUỲNH THỊ THANH THẢO	9.3	100	5	500	
648	TRƯƠNG THANH THẢO	9.3	100	5	500	
649	LÊ THỊ THU	9.3	100	5	500	
650	VÕ THỊ NGỌC THÙY	9.3	100	5	500	
651	HUỲNH THỊ KIỀU TRÂM	9.3	100	5	500	
652	TRẦN NGUYỄN ĐAN TRUNG	9.3	100	5	500	
653	TRẦN THANH TUYỀN	9.3	100	5	500	
654	NGUYỄN HỮU VINH	9.3	100	5	500	
655	HUỲNH HOÀNG VŨ	9.3	100	5	500	
656	NGUYỄN NGỌC THÚY VY	9.3	100	5	500	
657	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	9.3	100	5	500	
658	BẠCH NGUYỄN BÌNH AN	9.4	100	5	500	
659	NGUYỄN GIA AN	9.4	100	5	500	
660	TRẦN NGỌC DUY ANH	9.4	100	5	500	
661	NGUYỄN DƯƠNG THIỆN ÂN	9.4	100	5	500	
662	NGUYỄN TRẦN THÁI BẢO	9.4	100	5	500	
663	HỒ PHAN THANH DUNG	9.4	100	5	500	
664	NGUYỄN TẤN ĐẠT	9.4	100	5	500	
665	PHẠM TRƯƠNG MINH ĐĂNG	9.4	100	5	500	
666	VŨ NGỌC THIÊN HÂN	9.4	100	5	500	
667	NGUYỄN CÔNG HIỆP	9.4	100	5	500	
668	LÊ ĐÔNG HIẾU	9.4	100	5	500	
669	HUỲNH GIA HUY	9.4	100	5	500	
670	BÙI TUẤN KHANG	9.4	100	5	500	
671	PHẠM ĐĂNG KHOA	9.4	100	5	500	
672	NGUYỄN MẠNH KHỎE	9.4	100	5	500	
673	NGUYỄN ANH KHÔI	9.4	100	5	500	
674	NGUYỄN TUẤN KIỆT	9.4	100	5	500	
675	VƯƠNG THANH LIÊM	9.4	100	5	500	
676	ĐỖ NGỌC LINH	9.4	100	5	500	



STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
677	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NAM	9.4	100	5	500	
678	NGUYỄN HOÀNG NGHĨA	9.4	100	5	500	
679	LÊ KIM BẢO NGỌC	9.4	100	5	500	
680	NGUYỄN HỒNG NGỌC	9.4	100	5	500	
681	TRẦN THỊ THANH NGỌC	9.4	100	5	500	
682	ĐOÀN HÙNG NGUYỄN	9.4	100	5	500	
683	TRẦN NGỌC UYÊN NHI	9.4	100	5	500	
684	HỒ GIA PHÁT	9.4	100	5	500	
685	TRỊNH HÀ GIA PHÚ	9.4	100	5	500	
686	NGUYỄN LÊ SƠN	9.4	100	5	500	
687	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	9.4	100	5	500	
688	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	9.4	100	5	500	
689	NGUYỄN THÂN THƯƠNG	9.4	100	5	500	
690	HÀ MINH TIỀN	9.4	100	5	500	
691	TRƯƠNG THỊ MỸ TUYỀN	9.4	100	5	500	
692	TRẦN NGỌC NHẢ VY	9.4	100	5	500	
693	DƯƠNG NGỌC YẾN NHI	9.4	100	5	500	
694	VÕ DUY AN	9.5	100	5	500	
695	HỒ CÁT LAM ANH	9.5	100	5	500	
696	NGUYỄN HỒ NHƯ ANH	9.5	100	5	500	
697	PHẠM NGỌC MAI CHI	9.5	100	5	500	
698	NGUYỄN NGÂN HÀ	9.5	100	5	500	
699	TRẦN KHÁNH HẠ	9.5	100	5	500	
700	TRẦN CAO HÙNG	9.5	100	5	500	
701	VŨ THIÊN HƯƠNG	9.5	100	5	500	
702	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	9.5	100	5	500	
703	LÊ HUỖNH ANH KHOA	9.5	100	5	500	
704	VŨ HUỖNH NHẬT MINH	9.5	100	5	500	
705	TRƯƠNG NHẬT NAM	9.5	100	5	500	
706	VŨ NGỌC ÁNH NGÂN	9.5	100	5	500	
707	VŨ NGỌC CHÂU NGÂN	9.5	100	5	500	
708	HỨA BẢO NGUYỄN	9.5	100	5	500	
709	VŨ CAO MINH NHÂN	9.5	100	5	500	
710	NGUYỄN BÙI TUYẾT NHI	9.5	100	5	500	
711	PHAN VŨ TUYẾT NHI	9.5	100	5	500	
712	HUỖNH NGUYỄN KHÁNH NHƯ	9.5	100	5	500	

STT	Tên học sinh	Lớp	Mức hỗ trợ 1 tháng	Học kỳ II (<=5 tháng)	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú
713	NGUYỄN TOÀN PHÁT	9.5	100	5	500	
714	TRƯƠNG HỒ PHÁT	9.5	100	5	500	
715	HUỖNH PHẠM UYÊN PHƯƠNG	9.5	100	5	500	
716	NGUYỄN BÙI TUYẾT PHƯƠNG	9.5	100	5	500	
717	CAO KIM ĐĂNG QUANG	9.5	100	5	500	
718	ĐẶNG KIM QUYÊN	9.5	100	5	500	
719	TRẦN NHƯ QUỲNH	9.5	100	5	500	
720	LÊ TRUNG SƠN	9.5	100	5	500	
721	VĂN THÀNH TÀI	9.5	100	5	500	
722	ĐOÀN PHẠM ANH THƯ	9.5	100	5	500	
723	PHẠM HOÀI THƯƠNG	9.5	100	5	500	
724	LÊ NHÃ THY	9.5	100	5	500	
725	PHẠM LÊ KIỀU TRANG	9.5	100	5	500	
726	LÊ HÀN BẢO TRẦN	9.5	100	5	500	
727	NGUYỄN THỊ NHÃ TRẦN	9.5	100	5	500	
728	ĐOÀN XUÂN TRÍ	9.5	100	5	500	
729	NGUYỄN QUỐC TRIỆU	9.5	100	5	500	
730	HUỖNH TRÍ TRỌNG	9.5	100	5	500	
731	TRẦN THỊ THANH TRÚC	9.5	100	5	500	
732	VƯƠNG ĐẶNG MAI VY	9.5	100	5	500	
TỔNG CỘNG					364.400	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng.

Cần Giờ, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Người lập



Trần Thị Ngọt

Thủ trưởng đơn vị



Trương Văn Hùng

